

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 36/TTr-STC ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang bao gồm các hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá và nhiệm

vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

Những nội dung khác về giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

2. Các cơ quan được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

Chương II

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp với quy định của pháp luật về bình ổn giá.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có

trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện việc thẩm định phương án giá, phương án điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định phương án giá, phương án điều chỉnh giá tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực được phân công thẩm định phương án giá có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Phân công nhiệm vụ tiếp nhận kê khai giá

1. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng kê khai, cơ quan tiếp nhận kê khai có trách nhiệm tổ chức việc cập nhật thông tin giá kê khai vào Cơ sở dữ liệu về giá; được sử dụng mức giá kê khai trong công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá) thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hằng năm.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận kê khai giá rà soát, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hằng năm mà không phát sinh yêu cầu cần phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá mới.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm đăng tải Danh sách kê khai giá tổng hợp định kỳ hằng năm và Danh sách kê khai giá bổ sung trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ thời điểm ban hành Danh sách kê khai giá.

4. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này, các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh (gồm các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương.

5. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền kê khai giá, đảm bảo phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Điều 3, 4 và 5 Quyết định này.

2. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giá.

Chương III

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 7. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 8 của Quyết định này.

b) Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

3. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Giá; thực hiện báo cáo theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ

lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Điều 8. Báo cáo giá thị trường

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và Điều 16 của Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường thuộc các danh mục tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng “Thóc tẻ; Gạo tẻ; Đường ăn” thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp.

b) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng và danh mục Giao thông.

c) Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

d) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế.

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục.

e) Chi cục Thống kê tỉnh: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương. Phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có). Phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

g) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn cấp huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo và thời gian chốt số liệu báo cáo: Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Thời hạn gửi báo cáo: Các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo đồng thời quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

4. Kinh phí đảm bảo cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Điều 9. Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

b) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phân công phòng chuyên môn triển khai tổ chức các hoạt động quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 10. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân



tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai trên địa bàn tỉnh;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa, dịch vụ khác thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Tài chính hoặc do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Thời điểm cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá:

a) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu định kỳ 01 lần/tháng (chậm nhất ngày 05 hằng tháng) đối với thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm a, e khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này.

b) Thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu thường xuyên (tối đa sau 07 ngày kể từ khi văn bản, quyết định về thông tin, dữ liệu có hiệu lực) đối với các thông tin, dữ liệu được quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 11. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 3, 4, 5 Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 3, 4, 5 Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định này:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm;

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc khi phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm, Sở Tài chính ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

2. Trường hợp kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 11 Quyết định này:

Sở Tài chính, các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch kiểm tra và ký quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC.

Chương V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá theo quy định của Luật Giá.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; phối hợp với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Giá trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

6. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan; thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về giá của địa phương và kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của Chính phủ.

7. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý (khi có yêu cầu).

8. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý theo thẩm quyền, tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

3. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải kê khai giá để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ.

4. Đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính về việc tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Giá; tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan; thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính triển khai các hoạt động cụ thể của Cơ sở dữ liệu về giá.

7. Tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực, phạm vi quản lý (khi có yêu cầu).

8. Tổ chức hoạt động thẩm định giá của Nhà nước thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Phối hợp Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý theo thẩm quyền, tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà

nước về giá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định này; có thẩm quyền quyết định, phân công nhiệm vụ đối với từng cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ngành, lĩnh vực, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá theo quy định tại Điều này.

2. Ban hành theo thẩm quyền, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về giá.

3. Thực hiện các nhiệm vụ bình ổn giá; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, xây dựng báo cáo giá thị trường; cập nhật thông tin, dữ liệu về giá vào Cơ sở dữ liệu về giá và các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quyết định này.

4. Tổ chức thẩm định phương án giá đối với các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo các quy định pháp luật chuyên ngành.

5. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Giao trách nhiệm cho Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Công Thương, Y tế, Chi cục Thống kê tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn thực hiện Quyết định này, đồng thời tổ chức tuyên truyền phổ biến công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá phải thực hiện kê khai giá theo quy định.

Điều 17. Điều khoản thi hành



ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và thay thế Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *ĐHN*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB và QL XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- Như Điều 17 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nvphuong.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 14 /2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá
I	Định khung giá	
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Định giá tối đa	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn ngoài vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường



TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá
7	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
III	Định giá cụ thể	
1	Nước sạch	Sở Tài chính chủ trì; Sở Xây dựng phối hợp
2	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
3	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
4	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
5	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực
6	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường



TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá
10	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
11	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
12	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
13	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
14	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương
15	Dịch vụ sử dụng công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực



Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Quyết định số 14 /2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước	
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công thương, Sở Tài chính
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công thương, Sở Tài chính
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường



TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
6	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
7	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng
6	Thép xây dựng	Sở Công Thương

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
7	Than	Sở Công Thương
8	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
9	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
10	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (chi tiết danh mục) của hàng hóa, dịch vụ
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Du lịch
2	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Du lịch
3	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Sở Xây dựng
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương